



LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC (Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HIỀN – TRẦN VĂN SÁNG

Ngữ văn

11

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Đọc bản mới nhất trên hoc10.vn

Bản mẫu

LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC (Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HIỀN – TRẦN VĂN SÁNG

Ngữ văn

11

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



Lời nói đầu

Các thầy giáo, cô giáo thân mến!

Sách giáo viên *Ngữ văn 11* được biên soạn để hỗ trợ các thầy cô dạy tốt sách giáo khoa *Ngữ văn 11* (bộ Cánh Diều) theo đúng tinh thần đổi mới của *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* về nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

Sách giáo viên *Ngữ văn 11* gồm các nội dung chính sau đây:

Phần thứ nhất giới thiệu một số thông tin tổng quát về Chương trình và sách *Ngữ văn 11* như: yêu cầu của *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* với lớp 11; cấu trúc sách, cấu trúc bài học, những điểm kế thừa và đổi mới, định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của Chương trình mới.

Phần thứ hai (trọng tâm) hướng dẫn dạy các bài cụ thể. Phần này chủ yếu cung cấp các thông tin liên quan, giúp giáo viên soạn giáo án và chuẩn bị cho tiết dạy từng bài với đầy đủ nội dung từ *Yêu cầu cần đạt* đến *Tự đánh giá* và *Hướng dẫn tự học*. Nội dung quan trọng nhất ở phần này là gợi ý nội dung trả lời các câu hỏi trong sách *Ngữ văn 11* và hướng tổ chức hoạt động dạy học. Dựa vào nội dung gợi ý này, giáo viên nên tổ chức bài dạy trên lớp theo bốn hoạt động chính:

– Tiết dạy đọc hiểu, có các hoạt động: 1. Khởi động; 2. Đọc và tìm hiểu chung; 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản (trọng tâm); 4. Tổng kết.

– Tiết thực hành tiếng Việt gồm các hoạt động: 1. Khởi động; 2. Làm bài tập thực hành; 3. Chốt lại kiến thức tiếng Việt; 4. Tổng kết (những lưu ý khi vận dụng).

– Tiết dạy viết có các hoạt động: 1. Khởi động; 2. Tìm hiểu định hướng viết; 3. Thực hành viết; 4. Tổng kết (rút ra cách viết kiểu văn bản).

– Tiết dạy nói và nghe với các hoạt động: 1. Khởi động; 2. Tìm hiểu định hướng nói và nghe; 3. Thực hành nói và nghe; 4. Tổng kết (những lưu ý khi vận dụng).

– Với các tiết dạy *Chuyên đề học tập Ngữ văn 11* cần tổ chức một cách linh hoạt, phụ thuộc vào sự phân bổ thời khoá biểu (theo tiết hay theo buổi riêng). Tuy nhiên, các hoạt động chính vẫn là: 1. Khởi động (giới thiệu chuyên đề); 2. Tìm hiểu nội dung chính; 3. Thực hành, vận dụng và 4. Tổng kết.

Sách giáo viên không phải là giáo án mà chỉ là tài liệu tham khảo thiết yếu, cung cấp các thông tin cơ bản để giáo viên có thể soạn giáo án theo định hướng mới, phù hợp với sách giáo khoa. Từ những nội dung và gợi ý trong sách giáo viên, các thầy cô căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mình để biên soạn giáo án cho phù hợp và có hiệu quả. Tuy nhiên, các thầy cô cần bảo đảm các yêu cầu cơ bản của mỗi kiểu bài (đọc hiểu; thực hành tiếng Việt; viết; nói và nghe), không làm nặng thêm chương trình, gây quá tải cho học sinh.

Để tránh trùng lặp, trong sách giáo viên này, một số nội dung, yêu cầu giống nhau được nêu chung ở Phần thứ nhất hoặc ở bài đầu tiên của mỗi tập sách, không nhắc lại ở các bài sau. Mặt khác, mỗi bài học có đặc điểm riêng nên cách dạy cũng cần linh hoạt. Bên cạnh những nội dung chính, quan trọng được trình bày thống nhất, các hoạt động dạy học được hướng dẫn thực hiện phù hợp với từng bài cụ thể.

Chúng tôi mong cuốn sách giáo viên *Ngữ văn 11* này sẽ hỗ trợ quý thầy cô dạy học một cách chủ động, sáng tạo và hiệu quả.

Thay mặt Nhóm biên soạn

ĐỖ NGỌC THỐNG

(đồng Tổng Chủ biên sách giáo khoa *Ngữ văn 11*)

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN NGỮ VĂN 2018

1. Yêu cầu đổi mới cách dạy học và kiểm tra, đánh giá

Để đổi mới việc dạy học Ngữ văn theo yêu cầu mới của *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* (CT Ngữ văn 2018), cần tiến hành đồng bộ tất cả các yếu tố: chương trình, sách giáo khoa (SGK), phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; nhận thức của giáo viên (GV), cán bộ quản lý và chỉ đạo chuyên môn các cấp học.

CT Ngữ văn 2018 đã nêu lên định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá. Gần đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD và ĐT) đã ban hành Công văn số 3175, ngày 21/7/2022, khẳng định lại việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá với môn Ngữ văn.

Chúng tôi xin nêu lại các yêu cầu của công văn quan trọng này:

“1. Đổi mới cách dạy và cách học môn Ngữ văn

a) Tăng cường hơn nữa việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập môn Ngữ văn; dành nhiều thời gian cho các hoạt động thực hành, vận dụng, trình bày, thảo luận để rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói, nghe và cảm thụ thẩm mỹ theo yêu cầu, mức độ của từng lớp học, cấp học. Trong quá trình dạy học, giáo viên cần giao nhiệm vụ học tập rõ ràng, phù hợp với khả năng của học sinh; nêu cụ thể các yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành; chú trọng kiểm tra, đánh giá, hỗ trợ, động viên học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập.

b) Xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học môn Ngữ văn theo hướng tăng cường rèn luyện cho học sinh phương pháp đọc, viết, nói và nghe; thực hành, trải nghiệm tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học ở trong và ngoài lớp học.

Đối với dạy đọc, xác định rõ mục đích giúp học sinh biết cách đọc và tự đọc hiểu được văn bản; thông qua đó hình thành phẩm chất, nhân cách học sinh. Coi ngữ liệu là phương tiện và việc tìm hiểu ngữ liệu là cách thức để hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu văn bản. Bên cạnh việc giúp học sinh hiểu được nội dung và hình thức

của văn bản, cần chú ý trang bị cho học sinh công cụ, cách thức để đọc hiểu các văn bản cùng thể loại hoặc loại hình với văn bản đọc. Giáo viên có thể đưa ra những gợi ý, chỉ dẫn để giúp học sinh đọc nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình để áp đặt hay thay thế cho những suy nghĩ của học sinh; tránh đọc chép và yêu cầu học sinh ghi nhớ kiến thức một cách máy móc. Gắn dạy đọc với các hoạt động dạy viết, nói, nghe, thực hành tiếng Việt và các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với từng lớp học, cấp học.

Đối với dạy viết, chú trọng yêu cầu học sinh hình thành ý tưởng, biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo, có sức thuyết phục để qua đó rèn luyện tư duy và cách viết các kiểu văn bản. Tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học sinh thực hiện các bước tạo lập văn bản. Ở mỗi bước, giáo viên có thể sử dụng, khai thác ngữ liệu minh họa một cách hợp lý giúp học sinh hiểu được đặc điểm hình thức, ngôn ngữ, phương thức biểu đạt của từng kiểu văn bản; từ đó, giúp học sinh hình thành kỹ năng viết của mình. Xây dựng và tăng cường sử dụng các bài tập dạy viết gắn với các tình huống thực tiễn và giả định để học sinh nhận thức được mối quan hệ giữa yêu cầu học viết trong nhà trường với nhu cầu tạo lập các sản phẩm viết trong đời sống.

2. Đổi mới cách đánh giá học sinh trong môn Ngữ văn

a) Việc đánh giá học sinh trong môn Ngữ văn cần đảm bảo nguyên tắc phát huy được những mặt tích cực của cá tính, trí tưởng tượng, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, năng lực tư duy hình tượng và tư duy lô gích của học sinh.

b) Tập trung thiết kế và sử dụng các câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng đọc, viết, nói, nghe vào bối cảnh và ngữ liệu mới; tạo cơ hội để học sinh khám phá những tri thức mới, đề xuất ý tưởng và tạo ra sản phẩm mới; gợi mở những liên tưởng, tưởng tượng, huy động được vốn sống vào quá trình đọc, viết, nói, nghe.

c) Trong đánh giá kết quả học tập cuối học kì, cuối năm học, cuối cấp học, tránh dùng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa làm ngữ liệu xây dựng các đề kiểm tra đọc hiểu và viết để đánh giá chính xác năng lực học sinh, khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.

d) Khuyến khích việc xây dựng và sử dụng các đề mở trong kiểm tra, đánh giá để phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của học sinh. Xây dựng bộ công cụ đánh giá để hạn chế tính chủ quan, cảm tính của người chấm. Khi nhận xét, đánh giá các sản phẩm của học sinh, cần tôn trọng và khuyến khích cách nghĩ, cách cảm riêng của học sinh trên nguyên tắc không vi phạm những chuẩn mực đạo đức, văn hoá và pháp luật.

3. Tăng cường quản lý, chỉ đạo hoạt động dạy học môn Ngữ văn

a) Sở GD và ĐT, phòng GD và ĐT xem xét, góp ý kế hoạch dạy học môn Ngữ văn của các nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn 5512/BGDĐT–GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, Công văn 2345/BGDĐT–GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; theo dõi, giám sát quá trình thực hiện đổi mới dạy học và kiểm tra, đánh giá trong môn Ngữ văn; tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích giáo viên tích cực, chủ động, sáng tạo trong dạy học và kiểm tra, đánh giá.

b) Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ, nhóm chuyên môn đối với môn Ngữ văn dựa trên nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ để giáo viên có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm trong dạy học môn Ngữ văn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn thông qua hội nghị, hội thảo, học tập, giao lưu giữa các nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu của *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*.

2. Sự thống nhất về Chương trình và đa dạng hoá sách giáo khoa

2.1. Cần phân biệt Chương trình và sách giáo khoa

Chương trình môn Ngữ văn cũng như tất cả các môn học, đều do một tiểu ban soạn thảo trên cơ sở thống nhất với CT tổng thể, được lấy ý kiến của các cơ sở giáo dục và xã hội, được Hội đồng Quốc gia thẩm định CT xem xét, thông qua và được ban hành bằng một văn bản quy phạm pháp luật (Thông tư của Bộ GD và ĐT). CT Tiếng Việt – Ngữ văn cũ (2006) được làm từ các thời điểm khác nhau (Tiểu học – 1995, Trung học cơ sở (THCS) – 1998 và Trung học phổ thông (THPT) – 2000); đến năm 2006, được hợp nhất, bổ sung chuẩn CT theo quy định của *Luật Giáo dục 2005*, nên được gọi là CT 2006. CT 2018 làm trong hai năm 2017 và 2018, được ban hành cuối năm 2018 nên gọi là CT 2018.

CT Ngữ văn 2018 là CT mở, phục vụ cho chủ trương một CT, nhiều SGK; vì thế, chỉ nêu lên mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và một số nội dung cốt lõi của mỗi lớp, mỗi cấp. Trên cơ sở quy định của CT, người biên soạn các bộ SGK tự quyết định lựa chọn ngữ liệu, sắp xếp nội dung, hướng dẫn tổ chức hoạt động rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Ví dụ, ba bộ SGK *Ngữ văn* lớp 11 mới (Cánh Diều, Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo) sẽ có cách triển khai rất khác nhau, nhưng tất cả đều phải hướng đến mục tiêu và đáp ứng được các yêu cầu cần đạt mà

CT đã nêu lên. Chẳng hạn, mục tiêu và yêu cầu cần đạt của đọc hiểu với lớp 11 là: “Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản”. Với yêu cầu này, cả ba bộ SGK đều phải tuân thủ, trước hết về thể loại, phải dạy cách đọc hiểu thơ có yếu tố tượng trưng. Tương tự với yêu cầu “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,...” thì cả ba bộ SGK đều phải khai thác về tác dụng của các yếu tố trong văn bản bi kịch như CT đã nêu,...

Các yêu cầu khác về đọc hiểu, viết, nói và nghe đều là các yêu cầu chung cần tuân thủ, nhưng biên soạn SGK và tổ chức dạy học như thế nào để đạt được mục tiêu, yêu cầu ấy có thể rất khác nhau.

2.2. Từ Chương trình đến sách giáo khoa *Ngữ văn*

Với hầu hết các nước, CT Giáo dục phổ thông quốc gia chỉ có một. Từ CT quốc gia, các địa phương (bang, khu vực, nhà trường) căn cứ vào thực tiễn để thiết kế CT địa phương và CT nhà trường. CT địa phương và CT nhà trường thường tuân thủ CT quốc gia từ 80% đến 90%; nội dung còn lại do địa phương tự điều chỉnh. Hầu hết các nước thực hiện chính sách một CT, nhiều SGK. Và vì thế, CT trở thành cơ sở quan trọng nhất của việc dạy học, từ biên soạn SGK, lựa chọn phương pháp và kiểm tra – đánh giá. SGK chỉ là một trong những tài liệu dạy học quan trọng nhưng không bắt buộc. GV có thể dạy theo bất kì bộ sách nào và lấy tư liệu từ các nguồn khác nhau để hướng dẫn, học sinh (HS) học hằng ngày, miễn là đáp ứng được yêu cầu của CT.

Văn bản CT của mỗi nước trình bày có khác nhau, nhưng đã theo định hướng nhiều SGK thì CT phải có tính “mở”. Tức là CT chỉ quy định “kết quả đầu ra” bằng các yêu cầu cần đạt đối với HS. Từ yêu cầu cần đạt này, CT nêu lên một số kiến thức cốt lõi cần dạy để đạt được các yêu cầu. Cái đích của dạy và học là yêu cầu cần đạt; còn dạy thông qua cái gì, bằng cách nào là quyền của người soạn SGK và GV. Điều này giống như học ngoại ngữ: HS học sách nào, giáo trình nào, học ở đâu, ai dạy,... không quan trọng, mà quan trọng là cuối cùng HS nói – nghe lưu loát và đọc thông, viết thạo một ngoại ngữ nào đó.

Như thế, SGK chỉ là công cụ, phương tiện để giúp GV, HS dạy và học nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của CT. Vì thế, khi kiểm tra – đánh giá phải dựa vào yêu cầu cần đạt của CT, không dựa vào một SGK cụ thể nào. CT Ngữ văn 2018 đã nêu rõ yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp về bốn kĩ năng giao tiếp: đọc, viết, nói và nghe với ba loại văn bản (VB): văn học, nghị luận và thông tin. Theo CT này, GV dạy sách nào

cũng được, nhưng cuối năm lớp 8, HS cần biết đọc truyện cười, truyện ngắn, đoạn trích tiểu thuyết, truyện lịch sử, thơ, thơ sáu chữ, bảy chữ, hài kịch; biết đọc VB nghị luận văn học và nghị luận xã hội trung đại; biết đọc VB thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên, giới thiệu một cuốn sách, bộ phim; biết viết các kiểu VB: tự sự, miêu tả, biểu cảm; bước đầu biết viết VB thuyết minh, nghị luận. Tương tự như đọc và viết, HS phải biết nói và nghe đạt yêu cầu mà CT đã đề ra.

SGK phải tuân thủ CT, cụ thể hoá các yêu cầu của CT thông qua các VB và các hoạt động đọc, viết, nói, nghe cụ thể. Để dạy cách đọc, SGK cần tổ chức cho HS học đọc theo thể loại và kiểu VB. Mỗi bài học cần tập trung vào một thể loại chứ không chạy theo nội dung như đề tài, chủ đề trong tác phẩm văn học. Tuy nhiên, dạy học Ngữ văn còn có nhiệm vụ trang bị cho HS vốn văn học, văn hoá. Vì thế, ở mỗi thể loại, SGK cần lựa chọn được những tác phẩm tiêu biểu cho văn học dân tộc và nhân loại. Việc giáo dục phẩm chất, nhân cách được thông qua nội dung các tác phẩm cụ thể. Mỗi tác phẩm văn học đều hàm chứa nhiều giá trị, nhiều ý nghĩa khó có thể khuôn vào một chủ đề duy nhất. GV cứ hướng dẫn HS đọc hiểu tốt các VB – tác phẩm thì chính là vừa dạy cách đọc, vừa góp phần giáo dục phẩm chất, nhân cách.

2.3. Lí luận văn học trong Chương trình và sách giáo khoa 2018

Trong các CT Ngữ văn truyền thống, lí luận văn học (LLVH) được dạy với hai yêu cầu: một là học một số thuật ngữ văn học thông qua các bài giảng văn, phân tích tác phẩm như đề tài, chủ đề, nhân vật, thể loại văn học; ví dụ, sơ lược về đặc điểm của các thể loại: thơ ngũ ngôn, thơ thất ngôn, thơ lục bát, thơ song thất lục bát; một số khái niệm cơ bản về hình ảnh, nhịp điệu, tiết tấu trong thơ (CT 2006, lớp 7),... Hai là, học các bài LLVH chuyên về một vấn đề nào đó ở cấp THPT; ví dụ: chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực, trào lưu và khuynh hướng văn học,... (CT 2006, lớp 11); hoặc quá trình văn học, phong cách văn học, giá trị văn học, tiếp nhận văn học (CT 2006, lớp 12);...

CT Ngữ văn 2018 thay đổi cách dạy LLVH. Trước hết, cần trả lời câu hỏi: HS biết các kiến thức LLVH ấy để làm gì? Với hầu hết tất cả những người lao động bình thường, điều quan trọng nhất là hiểu được VB – tác phẩm chứ không phải để biết các tri thức LLVH. Vì thế, LLVH chỉ có ích khi giúp HS hiểu được VB – tác phẩm. Có nghĩa là LLVH phải trở thành phương tiện để giúp HS đọc hiểu VB một cách tốt hơn, hiệu quả hơn, chứ không học các bài LLVH với lí thuyết nặng nề, khó hiểu nhưng không giúp HS hiểu VB.

Theo định hướng trên, LLVH trong CT Ngữ văn 2018 được thể hiện ngay trong các yêu cầu cần đạt về các thể loại VB và các thành tố tạo nên VB văn học. LLVH có mặt ngay từ các lớp ở Tiểu học. Chẳng hạn, với lớp 3 và 4, khi yêu cầu HS “Nhận

biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời thoại”, tức là đã có LLVH ít nhất ở hai khái niệm “nhân vật” và “lời thoại”. Đây là yêu cầu của CT, còn việc thể hiện vào SGK như thế nào, bằng cách nào cho đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với HS độ tuổi này là tùy thuộc vào mỗi bộ SGK. Với sách *Ngữ văn 11*, LLVH thể hiện ở các bài đọc hiểu, trước hết là hệ thống thể loại và kiểu VB nêu trong nhan đề 9 bài học. Tiếp đó là các thành tố của VB văn học được cài đặt trong các bài đọc hiểu gắn với mỗi thể loại như:

- Cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả ngôn ngữ,... trong truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm.

- Không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn và sự thay đổi điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,... trong truyện ngắn hiện đại.

- Xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,... trong bi kịch.

- Sự kết hợp hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.

- Cái tôi trữ tình, kết cấu, ngôn ngữ,... trong tùy bút hoặc tản văn.

- Xung đột (mâu thuẫn) bên trong và xung đột bên ngoài.

- Ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ.

Đọc các yêu cầu cần đạt trong CT *Ngữ văn 2018* sẽ thấy các kiến thức LLVH thể hiện rõ ở cả ba phương diện: i) Nội dung, với các khái niệm như: đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng,...; ii) Hình thức, với các khái niệm như: thể loại, cốt truyện, nhân vật, lời nhân vật, lời người kể, điểm nhìn và ngôi kể,...; iii) Tiếp nhận văn học, với các yêu cầu HS biết liên hệ, so sánh, kết nối với bối cảnh lịch sử, văn hoá, đặc biệt liên hệ với kinh nghiệm sống của bản thân để hiểu VB – tác phẩm một cách sáng tạo, mang dấu ấn cá nhân. Một số vấn đề LLVH mang tính chuyên sâu chỉ được giới thiệu trong các chuyên đề tự chọn ở cấp THPT.

Để dạy đọc hiểu VB văn học, GV cần tổ chức cho HS hiểu nội dung trong mối quan hệ với các yếu tố hình thức là một yêu cầu cần bản đặt ra từ lâu. Với CT 2018, yêu cầu ấy được thể hiện trực tiếp vào các yêu cầu cần đạt của mỗi bài học, buộc GV phải tổ chức, hướng dẫn HS khai thác để hiểu VB. Đó không còn chỉ là một khuyến nghị nằm ngoài, muốn làm hay không làm cũng được. Dạy LLVH không còn là “dạy chay” mà luôn phải gắn chặt với mỗi VB – tác phẩm cụ thể.

2.4. Lịch sử văn học trong Chương trình và sách giáo khoa 2018

Trong các CT *Ngữ văn truyền thống*, lịch sử văn học (LSVH) được dạy với hai yêu cầu: một là, học trực tiếp các bài khái quát văn học sử; hai là, giảng văn các tác

phẩm theo các giai đoạn lịch sử từ dân gian đến trung đại và hiện đại. Từ cuối cấp THCS, HS học bài sơ lược về văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử. Lên THPT, LSVH được học thông qua các bài khái quát như *Tổng quan nền văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử* hoặc *Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945* và các bài khái quát về Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh,... Ngoài ra, mỗi bài học đều có phần *Tiểu dẫn* nêu thông tin về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh ra đời,... thực chất đó cũng là LSVH.

Có thể thấy, với CT Ngữ văn truyền thống, LSVH là đối tượng cần dạy, cần học; là yêu cầu cần đạt. Với CT Ngữ văn 2018, LSVH trở thành phương tiện để giúp HS đọc hiểu VB. Cụ thể, HS sẽ không phải học các bài LSVH lí thuyết nặng nề, nhiều khái niệm, thuật ngữ khó hiểu. Và quan trọng hơn, cần trả lời câu hỏi: HS biết các kiến thức LSVH ấy để làm gì? Câu trả lời của CT Ngữ văn 2018 là phải giúp HS đọc hiểu được VB một cách tốt hơn, hiệu quả hơn. Vì thế, những kiến thức LSVH phải gắn với từng VB – tác phẩm, làm sáng tỏ và giúp cho việc hiểu VB ấy.

CT Ngữ văn 2018 không yêu cầu dạy và học những bài khái quát như trước. Đến cuối lớp 9 mới có yêu cầu HS “Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học”, hoặc cuối lớp 12 mới yêu cầu “Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kĩ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp”. Nghĩa là ở các lớp cuối cấp, HS mới cần có những hiểu biết về LSVH nhưng vẫn không ngoài mục đích giúp cho việc đọc hiểu VB. Với ba tác gia Nguyễn Trãi, Nguyễn Du và Hồ Chí Minh, ở THPT mới có yêu cầu “Vận dụng được những hiểu biết về tác giả để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này”. Các VB đọc hiểu ở tất cả các lớp không sắp xếp theo LSVH mà theo thể loại văn học Ví dụ: dạy đọc hiểu truyện dân gian bên cạnh truyện hiện đại, truyện trung đại; truyện Việt Nam bên cạnh truyện nước ngoài,... Các thể loại khác cũng tương tự.

Tuy tổ chức bài học theo thể loại nhưng SGK *Ngữ văn* vẫn chú trọng LSVH. Các kiến thức văn học sử được thể hiện ở yêu cầu về bối cảnh ra đời của tác phẩm; chẳng hạn với tác phẩm *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn) hoặc *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi), *Chiều đò đưa* (Lí Công Uẩn), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu); *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh),... Việc vận dụng các kiến thức LSVH như là công cụ và phương tiện giúp cho đọc hiểu được gắn với yêu cầu “liên hệ, so sánh, kết nối” (yêu cầu số 3 của CT Ngữ văn 2018). Yêu cầu này có trong mục đọc hiểu của tất cả các lớp. Theo đó, để dạy đọc hiểu một VB, GV cần tổ chức cho HS biết liên hệ với bối cảnh lịch sử – văn hoá thời đại và hoàn cảnh ra đời của mỗi tác phẩm; so sánh các bối cảnh, các điều kiện lịch sử khác nhau của các VB để hiểu sâu hơn, nhận xét và đánh giá đúng hơn giá trị của mỗi VB.

2.5. Tính kế thừa và phát triển trong Chương trình 2018

Đổi mới không có nghĩa là xoá đi tất cả, làm lại từ đầu; cũng không thể giữ nguyên như cũ. Vì thế, cần làm rõ CT Ngữ văn 2018 kế thừa những gì của CT Ngữ văn 2006 và đổi mới ở những điểm nào. Chúng tôi xin nêu mấy điểm khái quát sau đây:

a) CT Ngữ văn 2018 tiếp tục mục tiêu giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng tình cảm, phát triển nhân cách cho HS, coi đây là thế mạnh của môn Ngữ văn trong giáo dục phẩm chất.

Điểm mới là: không nghiêng về tập trung chạy theo khối lượng kiến thức mà coi trọng sự vận dụng kiến thức vào các tình huống mới trong học tập và cuộc sống; phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ và văn học.

b) CT môn Ngữ văn 2018 tiếp tục dựa vào các tác phẩm, tác giả lớn, tinh hoa của văn học dân tộc và thế giới, những tác phẩm đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của nhiều thế hệ. CT môn Ngữ văn 2018 kế thừa những VB hay, tiêu biểu trong kho tàng văn học dân tộc; khoảng 70% vẫn là những VB trong CT môn Ngữ văn 2006.

Điểm mới là: i) Bổ sung, cập nhật những tác phẩm đương đại, gần gũi với tâm – sinh lí của thế hệ HS hiện nay; ii) lựa chọn tác phẩm và đoạn trích theo yêu cầu mới, giúp cho việc phát triển phẩm chất và năng lực có hiệu quả; iii) dành cho người biên soạn SGK và GV quyền lựa chọn tác phẩm nhằm phát huy tính sáng tạo và phù hợp với đối tượng.

c) CT Ngữ văn 2018 tiếp tục hình thành cho HS các kiến thức cơ bản, cốt lõi về tiếng Việt và văn học; chú trọng yêu cầu đọc hiểu và viết.

Điểm mới là: hạn chế việc nhồi nhét kiến thức, tập trung thay đổi cách dạy, từ việc chủ yếu giảng cho HS nghe, đọc cho HS chép sang việc nêu vấn đề, tổ chức, gợi mở cho HS trao đổi, thảo luận về VB để các em tự tìm ra các giá trị nội dung và hình thức. Vẫn là VB – tác phẩm ấy nhưng phải dạy theo hướng phát triển năng lực, từ đọc có hướng dẫn đến việc HS biết tự đọc, tự hiểu được các VB tương tự.

d) CT Ngữ văn 2018 kế thừa, phát triển định hướng tích hợp và phân hoá. CT Ngữ văn 2006 đã thực hiện tích hợp giữa văn học, tiếng Việt, làm văn nhưng do trục tích hợp của ba cấp khác nhau nên chưa nhất quán và triệt để; phân hoá ở THPT bằng SGK Cơ bản và Nâng cao, giữa hai bộ có khác nhau ít nhiều; tiếp tục tích hợp các nội dung liên môn và xuyên môn một cách hợp lí.

Điểm mới là: thống nhất trục tích hợp của cả ba cấp; tích hợp triệt để và nhất quán đến mức cao nhất có thể giữa ngôn ngữ và văn học, giữa các kiểu, loại VB

và giữa các hoạt động đọc, viết, nói và nghe. Thực hiện phân hoá theo năng lực, sở trường của cá nhân; coi trọng cá tính người học; phân hoá ở THPT được thực hiện bằng việc cho HS tự chọn một số chuyên đề học tập.

e) CT Ngữ văn 2018 kế thừa và phát triển cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. CT Ngữ văn 2006 hiện hành đã thực hiện đánh giá khả năng đọc hiểu của HS qua những ngữ liệu mới; yêu cầu viết nghị luận xã hội cũng đã đổi mới; riêng yêu cầu nghị luận văn học vẫn còn nhiều hạn chế, HS vẫn chỉ cần học thuộc và chép lại tài liệu có sẵn.

CT Ngữ văn 2018 lần này khắc phục hạn chế trong việc viết bài nghị luận văn học bằng cách vừa đổi mới cách ra đề, vừa yêu cầu không sử dụng các VB – tác phẩm đã học khi ra đề đọc hiểu cũng như đề yêu cầu phân tích, cảm thụ văn học; khuyến khích sự sáng tạo độc đáo, có cá tính của HS trong việc hiểu vấn đề và viết bài văn.

II. SÁCH NGỮ VĂN 11

1. Định hướng

Bộ SGK *Ngữ văn* THPT được thiết kế theo mô hình tích hợp, bám sát các yêu cầu của CT Ngữ văn 2018; lấy hệ thống thể loại có kết hợp với chủ đề / đề tài (nhất là các VB thông tin và nghị luận) làm chỗ dựa để phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học (các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe), các năng lực chung và các phẩm chất chủ yếu cho HS.

Thể loại và kiểu VB được hiểu theo các cấp độ sau:

- Loại VB gồm: VB văn học; VB nghị luận và VB thông tin.
- Thể loại: chỉ những thể loại của VB văn học, gồm các thể loại lớn học lập lại ở tất cả các lớp: truyện, thơ, kí, kịch.
- Tiểu loại: là các thể loại nhỏ trong mỗi thể loại lớn, mỗi lớp học một số tiểu loại này. Ví dụ: Lớp 11 học truyện gồm *truyện thơ dân gian* và *truyện thơ Nôm*, *truyện ngắn* và *tiểu thuyết*.
- Kiểu VB chỉ các kiểu trong loại VB nghị luận và thông tin.

Ở mỗi lớp, mỗi thể loại và kiểu VB lớn được triển khai thành một bài lớn gồm 10 tiết; trong đó tích hợp cả bốn kĩ năng (đọc hiểu, viết, nói và nghe). Mỗi kĩ năng có thể có một hay nhiều bài học nhỏ tùy vào khối lượng nội dung của kĩ năng ấy trong từng bài (unit).

2. Cấu trúc chung của sách giáo khoa *Ngữ văn 11*

2.1. Tổng thời lượng học

SGK *Ngữ văn 11* thực hiện đúng quy định của *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, được dạy và học trong 35 tuần, trung bình mỗi tuần 3 tiết, tổng thời lượng là 105 tiết.

2.2. Cấu trúc sách

- Bài Mở đầu: 2 tiết: nêu thông tin khái quát về các nội dung chính và cấu trúc sách *Ngữ văn 11*. Từ Bài 1 đến Bài 9 mỗi bài 10 tiết; ôn tập và kiểm định kì: 8 tiết; dự trữ: 5 tiết. Tổng: 105 tiết.

- Các nội dung về tiếng Việt bám sát quy định của CT *Ngữ văn 2018* để phân bổ và tích hợp vào 9 bài học chính.

- Các bài về kĩ năng viết, nói và nghe bám sát quy định của CT, được tổ chức biên soạn theo hướng dựa vào ngữ liệu của phần đọc hiểu để biên soạn và thực hành viết, nói và nghe.

Cấu trúc sách *Ngữ văn 11*, tập một

Bài	Thể loại	Tiểu loại	Đề tài, chủ đề chính
1	Thơ và truyện thơ	Thơ, truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm	Tình yêu: xưa và nay
2	Thơ chữ Hán và truyện thơ	Thơ Đường luật và truyện thơ Nôm (<i>Truyện Kiều</i>)	Bí kịch và vẻ đẹp của những người tài sắc
3	Truyện	Truyện ngắn và tiểu thuyết	Những con người khốn khổ, vẻ đẹp và sức mạnh của nhân tính
4	VB thông tin	Thuyết minh tổng hợp	Tiếng Việt, người Việt
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I			
Phụ lục: các bảng tra cứu			

Cấu trúc sách *Ngữ văn 11*, tập hai

Bài	Thể loại	Tiểu loại	Đề tài, chủ đề chính
5	Truyện	Truyện ngắn	Vẻ đẹp con người

6	Thơ	Thơ có yếu tố tượng trưng	Thiên nhiên và tình người
7	Kí	Tuỳ bút, tản văn, truyện kí	Vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, con người,...
8	Kịch	Bi kịch	Bi kịch thời đại và bi kịch con người
9	VB nghị luận	Nghị luận xã hội và nghị luận văn học	Ước mơ tự do, vẻ đẹp thơ, văn
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II			
Phụ lục: các bảng tra cứu			

Giải thích thêm về cấu trúc sách:

a) Do yêu cầu của CT học nhiều thể loại, nhiều tác phẩm tiêu biểu cho thành tựu văn học dân tộc cần giới thiệu, trong khi thời lượng của lớp 11 ít nên một số bài cần ghép thể loại. Việc ghép thể loại này đã có từ sách *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7* và *Ngữ văn 10*; không ảnh hưởng gì đến yêu cầu dạy cách đọc các thể loại và kiểu VB.

b) Văn bản nghị luận văn học (NLVH), chúng tôi tiếp tục chủ trương: chọn các bài viết phân tích các tác phẩm đang học trong sách *Ngữ văn 11* để tích hợp đọc, cụ thể là bài viết về tác phẩm *Chữ người tử tù* (Nguyễn Đăng Mạnh). Cách tích hợp này nhằm củng cố các bài học trước và “đề hoá” việc đọc VB NLVH, một cách giảm tải cho việc dạy và học. Ngoài ra, việc học một bài NLVH viết về thơ mới của Hoài Thanh cũng nhằm làm rõ thêm việc đọc hiểu các bài thơ có yếu tố tượng trưng (Bài 6) như *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu), *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử), *Tràng giang* (Huy Cận). Văn bản nghị luận xã hội (NLXH) có đoạn trích *Tôi có một giấc mơ* từ bài viết của Mác-tin Lu-thơ Kinh nêu lên một vấn đề mang tính thời đại, một ước mơ về tự do, bình đẳng của con người và bài phát biểu của bà Nguyễn Thị Bình nói với tuổi trẻ về lẽ sống.

c) Văn bản thông tin CT Ngữ văn 2018 quy định lớp 11 học: VB thuyết minh tổng hợp. Đề tài và chủ đề của Bài 3 tập trung đề cao pháp luật, những phẩm chất và hạn chế của người Việt. Nội dung vừa gần gũi, quen thuộc lại có ý nghĩa rất lớn với tuổi trẻ như vấn đề giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt,...

III. VỀ CẤU TRÚC BÀI HỌC TRONG SÁCH *NGỮ VĂN 11*

Bài học trong sách *Ngữ văn 11*, trừ *Bài Mở đầu* và hai bài ôn tập, kiểm tra cuối học kì I và cuối học kì II, 9 bài học còn lại được tổ chức theo các phần, mục như sau:

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Hình thành năng lực (NL) ngôn ngữ và NL văn học.
2. Phát triển phẩm chất và NL chung.

KIẾN THỨC NGŨ VĂN

Nêu các tri thức chung (văn học và tiếng Việt) theo yêu cầu cần đạt của bài học đó một cách ngắn gọn, phù hợp với HS lớp 11.

ĐỌC

Đọc hiểu văn bản

Mỗi bài học (10 tiết) thường có 2 văn bản đọc hiểu chính và 1 – 2 văn bản thực hành đọc hiểu. Cả 3 – 4 VB đều dạy trên lớp; tuy nhiên, VB đọc chính được dạy kỹ hơn, nhiều thời gian hơn (học kỹ), VB thực hành đọc chủ yếu để HS thực hiện với sự tổ chức hướng dẫn của GV, ít thời gian hơn. Các phần, mục được trình bày như sau:

Văn bản 1 (logo) Tên VB chữ in hoa

Tên tác giả (nếu có)

1. Chuẩn bị

- Lưu ý về thể loại và các thông tin liên quan.
- Tác giả, tác phẩm, bối cảnh lịch sử.

2. Đọc hiểu

Văn bản: Sách chia làm hai cột (trái và phải) với nội dung mỗi cột như sau:

Văn bản	Hướng dẫn đọc
– Chỉ dẫn minh họa. – Chú thích chân trang (cước chú).	– Hướng dẫn cách đọc (chiến lược đọc). – Từ ngữ, câu, đoạn có liên quan đến tri thức ngữ văn đã nêu.

Câu hỏi (logo): tuy không ghi rõ trong sách nhưng các câu hỏi đọc hiểu sau mỗi văn bản gồm ba loại với ba mức độ:

- Nhận biết.
- Phân tích và nhận xét (đánh giá).
- Liên hệ, so sánh, mở rộng, nâng cao.

Số lượng câu hỏi mỗi bài đọc hiểu tối đa là 7 câu. Câu hỏi cho VB đọc chính có thể nhiều hơn VB thực hành.

Thực hành đọc hiểu

- Trình bày VB, chỉ dẫn minh hoạ và chú thích như VB học chính.
- Hướng dẫn đọc hiểu: có thể ít câu hỏi hơn, chỉ tập trung vào các yêu cầu cần đạt nêu ở mục tiêu bài học.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Do định hướng thực hành nên nội dung các bài tiếng Việt chủ yếu nêu lên các bài tập để HS thực hành nhằm củng cố các kĩ năng tiếng Việt. Lí thuyết các đơn vị ngôn ngữ được nêu ngắn gọn ở phần *Kiến thức ngữ văn*; các bài tập là sự cụ thể hoá của lí thuyết ấy với ba dạng:

- Nhận biết đơn vị tiếng Việt.
- Phân tích tác dụng của đơn vị tiếng Việt.
- Tạo lập đơn vị tiếng Việt.

VIẾT

Định hướng

Trình bày ngắn gọn lí thuyết và những lưu ý, hướng dẫn về viết các kiểu văn bản gắn với nội dung bài học cụ thể của mục này trong đề cương. Ngoài ra, nêu thêm yêu cầu cụ thể về kĩ năng viết văn (cả lí thuyết và thực hành).

Thực hành

- a) Bài tập thực hành, luyện tập theo quy trình bốn bước.
- b) Bài tập rèn luyện kĩ năng viết: đây là phần phát triển mới của sách *Ngữ văn 11* so với sách *Ngữ văn 10*. Trong việc rèn luyện kĩ năng viết, HS không chỉ luyện tập tạo ra bài văn theo quy trình bốn bước mà còn phải rèn luyện kĩ năng viết (diễn đạt, trình bày), vì thế, cần bổ sung và phát triển thêm các yêu cầu rèn luyện này.

NÓI VÀ NGHE

1. Định hướng

Trình bày ngắn gọn lí thuyết và những lưu ý, hướng dẫn về nghe – nói gắn với nội dung bài học cụ thể của mục này trong đề cương (nếu có).

2. Thực hành

Hệ thống bài tập thực hành, luyện tập nhằm vận dụng mục 1. *Định hướng*.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Mục tiêu giúp HS tự đánh giá kết quả học bài. Nội dung: kiểm tra kết quả đọc hiểu thông qua một đoạn VB ngắn có thể loại và kiểu VB tương tự VB đã học, nêu các câu hỏi trắc nghiệm tập trung vào các đơn vị kiến thức trọng tâm nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn*. Hình thức: kết hợp cả trắc nghiệm và tự luận. Trắc nghiệm đọc hiểu và tự luận viết câu trả lời ngắn hoặc viết đoạn văn.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Nêu gợi ý các VB đọc thêm, địa chỉ các trang web (nếu có).
2. Cách tìm, thu thập, lựa chọn các tư liệu liên quan đến bài học.

IV. NỘI DUNG CỤ THỂ VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 11

Tập một

Bài	Nội dung	Số tiết
Bài Mở đầu	Nội dung và cấu trúc của sách	2
1. Thơ và truyện thơ	Đọc	5
	▪ Đọc hiểu văn bản – <i>Sóng</i> (Xuân Quỳnh) – <i>Lời tiễn dặn</i> (Trích <i>Tiễn dặn người yêu</i>)	3
	▪ Thực hành đọc hiểu – <i>Tôi yêu em</i> (Pu-skin) – <i>Nỗi niềm tương tư</i> (Trích <i>Bích Câu kì ngộ</i> – Vũ Quốc Trân)	2
	Thực hành tiếng Việt: Biện pháp lập cấu trúc	1
	Viết: Viết bài nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí	3
	Nói và nghe: Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một tư tưởng đạo lí	1
	Tự đánh giá: <i>Hôm qua tát nước đầu đình</i>	

2. Thơ văn Nguyễn Du	Đọc	6
	▪ Đọc hiểu văn bản – <i>Nguyễn Du – Cuộc đời và sự nghiệp</i> – <i>Trao duyên</i> (Trích <i>Truyện Kiều</i> – Nguyễn Du) – <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> (Nguyễn Du)	3
	▪ Thực hành đọc hiểu <i>Anh hùng tiếng đã gọi rằng</i> (Trích <i>Truyện Kiều</i> – Nguyễn Du)	3
	Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ đối	1
	Viết: Viết bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật	2
	Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật	1
	Tự đánh giá: <i>Thề nguyền</i> (Trích <i>Truyện Kiều</i> – Nguyễn Du)	
3. Truyện	Đọc	6
	▪ Đọc hiểu văn bản – <i>Chí Phèo</i> (Nam Cao) – <i>Chữ người tử tù</i> (Nguyễn Tuân)	4
	▪ Thực hành đọc hiểu <i>Tấm lòng người mẹ</i> (Trích <i>Những người khốn khổ</i> – Huy-gô)	2
	Thực hành tiếng Việt: Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	1
	Viết: Viết bài nghị luận về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học	2
	Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học	1
	Tự đánh giá: <i>Kép Tư Bền</i> (Nguyễn Công Hoan)	
4. Văn bản thông tin	Đọc	5
	▪ Đọc hiểu văn bản – <i>Phải coi luật pháp như khí trời để thờ</i> (Theo Lê Quang Dũng) – <i>Tạ Quang Bửu – người thầy thông thái</i> (Hàm Châu)	4

	▪ Thực hành đọc hiểu <i>Tiếng Việt lớp trẻ bây giờ</i> (Phạm Văn Tình)	1
	Thực hành tiếng Việt: Lỗi về thành phần câu và cách sửa	1
	Viết: Viết bài thuyết minh tổng hợp	3
	Nói và nghe: Nghe bài thuyết minh tổng hợp	1
	Tự đánh giá: <i>Sông nước trong tiếng miền Nam</i> (Theo Trần Thị Ngọc Lang)	
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I		4

Tập hai

Bài	Nội dung	Số tiết
5. Truyện ngắn	Đọc	6
	▪ Đọc hiểu văn bản – <i>Trái tim Đan-kô</i> (Trích <i>Bà lão I-déc-ghin</i> – Go-rơ-ki) – <i>Một người Hà Nội</i> (Nguyễn Khải)	4
	▪ Thực hành đọc hiểu <i>Tầng hai</i> (Phong Điệp)	2
	Thực hành tiếng Việt: Hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường	1
	Viết: Viết bài nghị luận về một tác phẩm truyện	2
	Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm truyện	1
	Tự đánh giá: <i>Nắng đẹp miền quê ngoại</i> (Trang Thế Hy)	
6. Thơ	Đọc	5
	▪ Đọc hiểu văn bản – <i>Đầy mùa thu tới</i> (Xuân Diệu) – <i>Sông Đáy</i> (Nguyễn Quang Thiều)	3
	▪ Thực hành đọc hiểu – <i>Đầy thôn Vĩ Dạ</i> (Hàn Mặc Tử) – <i>Tình ca ban mai</i> (Chế Lan Viên)	2

	Thực hành tiếng Việt: Ôn tập các biện pháp tu từ tiếng Việt	1
	Viết: Viết bài nghị luận về một tác phẩm thơ	3
	Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm thơ	1
	Tự đánh giá: <i>Tràng giang</i> (Huy Cận)	
7. Tùy bút, tản văn, truyện kí	Đọc	6
	▪ Đọc hiểu văn bản – <i>Thương nhớ mùa xuân</i> (Trích <i>Thương nhớ mười hai</i> – Vũ Bằng) – <i>Vào chùa gặp lại</i> (Minh Chuyên)	4
	▪ Thực hành đọc hiểu <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> (Hoàng Phủ Ngọc Tường)	2
	Thực hành tiếng Việt: Cách giải thích nghĩa của từ và cách trình bày tài liệu tham khảo	1
	Viết: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội	2
	Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội	1
	Tự đánh giá: <i>Bánh mì Sài Gòn</i> (Huỳnh Ngọc Trảng)	
8. Bi kịch	Đọc	6
	▪ Đọc hiểu văn bản – <i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i> (Trích vở kịch <i>Vũ Như Tô</i> – Nguyễn Huy Tưởng) – <i>Thề nguyện và vĩnh biệt</i> (Trích vở kịch <i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i> – Sếch-xpia)	4
	▪ Thực hành đọc hiểu <i>Tôi muốn được là tôi toàn vẹn</i> (Trích vở kịch <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> – Lưu Quang Vũ)	2
	Thực hành tiếng Việt: Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (Tiếp theo)	1

	Viết: Viết bài nghị luận về một tác phẩm kịch	2
	Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm kịch	1
	Tự đánh giá: <i>Trương Chi</i> (Nguyễn Đình Thi)	
9. Văn bản nghị luận	Đọc	5
	▪ Đọc hiểu văn bản – <i>Tôi có một giấc mơ</i> (Mác-tin Lu-thơ Kinh) – <i>Một thời đại trong thi ca</i> (Hoài Thanh)	4
	▪ Thực hành đọc hiểu <i>Lại đọc "Chữ người tử tù" của Nguyễn Tuân</i> (Nguyễn Đăng Mạnh)	1
	Thực hành tiếng Việt: Lỗi về thành phần câu và cách sửa (Tiếp theo)	1
	Viết: Viết bài nghị luận về một hiện tượng đời sống	3
	Nói và nghe: Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một hiện tượng đời sống	1
	Tự đánh giá: <i>Thế hệ trẻ cần có quyết tâm lớn và phải biết hành động</i> (Nguyễn Thị Bình)	
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II		4

Phần thứ hai

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

I. MỘT SỐ LƯU Ý CHUNG

1. Quan niệm về sách giáo viên

Sách giáo viên (SGV) không phải là giáo án của GV hay sách thiết kế bài học. SGV chỉ bám sát SGK của HS, mở rộng, giải thích làm rõ thêm các nội dung trong đó. Hai nội dung lớn mà SGV cần tập trung là:

- Gợi ý cho GV cách thức tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp.
- Gợi ý các nội dung cần làm rõ qua các câu hỏi, bài tập trong SGK.

Như thế, để có một giáo án cụ thể, GV tham khảo SGV; từ đó, hiểu đúng mục tiêu các yêu cầu của bài học; căn cứ vào đối tượng, điều kiện dạy học và năng lực (NL) của chính mình để soạn ra một giáo án cụ thể. Không ai thay thế được người GV trong việc soạn ra một giáo án cho mình. Hơn nữa, CT và SGK lần này theo định hướng mở, đề cao và khuyến khích người GV tự chủ, tự lựa chọn và quyết định nội dung, cách thức dạy học cụ thể; vì thế, SGV chỉ có thể nêu lên các gợi ý để GV tham khảo; kể cả các gợi ý về nội dung trả lời các câu hỏi trong SGK. Các câu gợi ý trả lời câu hỏi trong SGV chỉ nêu ý chính, để thống nhất chung về phương hướng; còn nội dung cụ thể, GV hoàn toàn có thể thêm bớt, miễn là có lí, có cơ sở và có sức thuyết phục.

Trong khi chuẩn bị giáo án, GV nên tìm kiếm thêm tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, nhất là bằng Internet, sách, báo rồi thống kê, lựa chọn các thông tin quan trọng, liên quan đến tác giả và VB sẽ dạy để phục vụ cho việc tổ chức dạy học và hướng dẫn HS tự học, tự tìm kiếm tư liệu.

2. Về tiến trình dạy học

Tiến trình tổ chức tiết học theo yêu cầu hình thành và phát triển NL cho người học đòi hỏi cần thông qua các hoạt động (HD) học tập. Các HD chính của tiết học Ngữ văn thường qua các bước lớn: khởi động, hình thành tri thức mới, luyện tập và

vận dụng. Mỗi HD thường qua các việc: a) giao nhiệm vụ; b) tổ chức cho HS làm việc; c) trình bày, trao đổi và tự rút ra kết luận.

3. Về sự khác biệt giữa *Đọc hiểu*, *Thực hành đọc hiểu* và *Tự đánh giá*

Chương trình Ngữ văn mới chủ trương hình thành NL đọc; vì thế, cần theo quy trình sư phạm từ việc hướng dẫn chi tiết cho HS đọc hiểu VB theo thể loại ở 2 VB đọc chính; sau đó chuyển sang *Thực hành đọc hiểu* có hướng dẫn của GV và cuối cùng là *Tự đánh giá*, ở đó, HS tự đọc hiểu một VB mới mà không có hướng dẫn của GV. *Thực hành đọc hiểu* nhằm rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đã hình thành bước đầu qua hai VB đọc chính. Do thời gian và tính chất thực hành nên tiết học này không cần đầy đủ các bước và các hoạt động như bài học chính mà tập trung vào hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản luôn. Nghĩa là có thể bắt đầu tổ chức HD 2 hoặc HD 3, tùy vào thời lượng dành cho bài học này. Trong các HD này, HD bắt buộc là HS phải đọc VB; còn lại không nhất thiết phải tìm hiểu tất cả các câu hỏi nêu trong SGK. GV có thể lựa chọn một số câu quan trọng để hướng dẫn HS tìm hiểu hoặc củng cố lại các kỹ thuật đọc từ các VB đã học. Ở bước *Tự đánh giá*, HS phải tự mình đọc VB mới và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm để tự kiểm tra xem mình có hiểu VB ấy không; trong đó, có tích hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt gắn với VB đọc hiểu. Một số câu cuối thường yêu cầu thực hành viết ngắn, nhưng cũng là kiểm tra kết quả đọc, không phải viết bài luận.

4. Về phân bổ thời lượng

Như đã nêu trong phần *Về cấu trúc sách Ngữ văn 11*, tổng thời lượng cho môn Ngữ văn lớp 11 là 105 tiết / năm. Ngoài *Bài Mở đầu*: 2 tiết, *Ôn tập và tự đánh giá* (cuối học kì I và cuối học kì II): 8 tiết; các bài còn lại (từ 1 đến 9) đều 10 tiết; có 5 tiết dự trữ.

Trong mỗi bài 10 tiết, thường phân bổ như sau:

STT	Nội dung dạy học	Thời lượng (tiết)
1	Đọc hiểu văn bản	4
2	Thực hành tiếng Việt	1
3	Thực hành đọc hiểu	1
4	Viết	3
5	Nói và nghe	1

Mặc dù SGK đã có gợi ý về việc phân chia thời lượng cho các nội dung học tập, nhưng nhìn chung, GV vẫn toàn quyền quyết định trong việc phân bổ thời gian cho các bài học và các phần trong mỗi bài. Có thể điều chỉnh thời lượng trên hai bình diện các bài và các phần trong bài một cách linh hoạt và phù hợp với đối tượng, điều kiện dạy học của mỗi GV. Chẳng hạn, với *Bài Mở đầu*, theo phân bổ là 2 tiết, nhưng nếu GV thấy lớp mình dạy HS nắm vấn đề nhanh; đã đạt yêu cầu mà không cần tới 2 tiết thì có thể chuyển sang học bài tiếp theo (Bài 1). Hoặc nếu Bài 2 thấy phần nội dung đọc hiểu hay nội dung viết có thể rút ngắn 1 – 2 tiết mà vẫn đạt được yêu cầu, mục tiêu bài học thì hoàn toàn có quyền chuyển sang nội dung phần khác, học bài khác. Các tiết bớt được sẽ thành thời lượng dự trữ và tăng thêm cho các bài cần nhiều thời gian hơn, những nội dung cần củng cố; ưu tiên thực hành rèn luyện nhiều hơn ở lớp đó. Dĩ nhiên, việc thêm bớt nên trao đổi trong tổ khi thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Cũng cần lưu ý về số lượng văn bản dạy đọc hiểu. Mặc dù mỗi bài SGK nêu lên ba văn bản đọc hiểu, nhưng GV hoàn toàn có thể chỉ chọn 1 – 2 VB để dạy HS đọc hiểu kĩ về thể loại và kiểu văn bản ấy; không nhất thiết là phải dạy tất cả ba văn bản. Nên tập trung vào các VB đọc chính để HS biết cách đọc hiểu thể loại và kiểu VB tiêu biểu. Các VB còn lại chỉ cần hướng dẫn HS đọc hiểu, thậm chí để HS tự đọc ở nhà. Việc đưa nhiều VB cùng thể loại và kiểu VB nhằm cung cấp ngữ liệu cho HS với những định hướng sự phạm về cách đọc, giúp các em có VB để tự đọc và rèn luyện cách đọc; không yêu cầu GV dạy tất cả trên lớp theo kiểu nhồi nhét, chạy theo nội dung. Mặt khác, những VB có trong SGK nhưng không dạy trên lớp chính là nguồn ngữ liệu dùng để kiểm tra, đánh giá năng lực đọc của HS sau khi học bài học ấy.

5. Về chuyên đề học tập

Theo CT Ngữ văn 2018, ngoài SGK chính thức, các lớp cấp THPT có thêm phần chuyên đề tự chọn. Nội dung chính gồm ba chuyên đề đã nêu trong Chương trình. Tổng thời lượng cho học chuyên đề là 35 tiết / năm. Việc học tập các chuyên đề này tùy thuộc vào kế hoạch dạy học cụ thể, cách thức tổ chức của mỗi nhà trường.

Sách *Chuyên đề học tập Ngữ văn 11* (bộ Cánh Diều) đã thực hiện đúng các yêu cầu cần đạt và cụ thể hoá nội dung của các chuyên đề tự chọn này.

Chuyên đề 1: *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam* (15 tiết) nhằm giúp các HS bước đầu biết cách thức nghiên cứu; cách viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình về một vấn đề văn học trung đại đã nghiên cứu.

Chuyên đề 2: *Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại* (10 tiết) cung cấp những hiểu biết về bản chất xã hội của ngôn ngữ, các yếu tố mới của ngôn ngữ

và những hạn chế của các yếu tố mới; cách thức vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ hiện đại vào trong giao tiếp.

Chuyên đề 3: *Đọc, viết và giới thiệu về một tác giả văn học* (10 tiết) giúp HS nhận biết và hiểu khái niệm phong cách nghệ thuật, sự nghiệp văn học của một tác giả; yêu cầu và cách thức đọc một tác giả, cách viết bài giới thiệu và cách thuyết trình về một tác giả,...

Các chuyên đề trên bước đầu giúp HS làm quen với một số công việc của những nhà nghiên cứu khoa học xã hội, văn học, ngôn ngữ và Việt ngữ học; phóng viên báo chí; các nhà phê bình, cán bộ biên tập,... viết giới thiệu sách,...

Mỗi chuyên đề gồm yêu cầu cần đạt và nội dung chính, được thiết kế theo hướng tích hợp, vừa cung cấp kiến thức vừa rèn luyện kỹ năng, phương pháp học tập, nghiên cứu.

Cấu trúc chuyên đề có sự thống nhất giữa lý thuyết và thực hành. Trong đó, thực hành là chính: thực hành nghiên cứu, viết báo cáo và thuyết trình một vấn đề văn học trung đại; thực hành khảo sát, phân loại và đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ hiện đại; thực hành đọc, viết giới thiệu và thuyết trình một tác giả văn học,...

Cấu trúc chuyên đề có phần lý thuyết và thực hành. Trong đó, thực hành là chính.

II. DẠY HỌC ĐỌC HIỂU

Dù đối tượng đọc là VB văn học, VB nghị luận hay VB thuyết minh; dù VB đó thuộc thể loại và kiểu VB nào thì tiến trình dạy đọc hiểu một VB cũng theo bốn HĐ chính sau đây:

Hoạt động 1. Khởi động

Nội dung dựa vào mục 1. *Chuẩn bị* đã nêu trong SGK, GV có thể bắt đầu bài học bằng nhiều cách khác nhau. Nhìn chung, nhiệm vụ của phần mở đầu hướng tới:

- Tạo không khí cho tiết học (kể chuyện, chiếu video clip, tranh, ảnh, bài hát,...).
- Huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học (nêu câu hỏi).
- Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

Hoạt động 2. Tìm hiểu chung

Tổ chức cho HS đọc VB; tìm hiểu tác phẩm và những điểm cần lưu ý khi đọc VB theo các thể loại và kiểu VB.

– Yêu cầu HS đọc hoặc kiểm tra việc đọc VB ở nhà; nêu những từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, điển tích,... khó, cần chú ý và giải thích; hướng dẫn cách đọc diễn cảm,...

– Dựa vào một số câu hỏi hướng dẫn cách đọc (cột bên phải VB) để kiểm tra việc đọc của HS. Từ đó, lưu ý cho HS vì sao khi đọc VB cần chú ý các hướng dẫn cột bên phải.

– Tìm hiểu bối cảnh ra đời và tác giả (chú ý chỉ hướng dẫn HS lựa chọn các yếu tố giúp cho việc hiểu VB đáng đọc, các yếu tố khác không cần phải bắt HS tìm hiểu, ghi nhớ).

Hoạt động 3. Đọc hiểu văn bản

a) Phân tích, đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của VB – tác phẩm. SGK đã nêu lên các câu hỏi cốt lõi nhằm giúp HS tìm hiểu, khám phá VB – tác phẩm theo ba lớp: i) *nhận biết*; ii) *phân tích, nhận xét*; iii) *mở rộng, nâng cao*.

Các câu hỏi đầu i) thường thể hiện yêu cầu hiểu về nội dung cụ thể cũng như ấn tượng khái quát về nội dung của VB. Các câu hỏi ii) phân tích, đánh giá hướng vào việc tìm hiểu sâu hơn nội dung và hình thức VB. Và các câu hỏi cuối iii) yêu cầu HS mở rộng, nâng cao bằng việc liên hệ, so sánh, gắn các vấn đề của VB với cuộc sống và những trải nghiệm của HS để hiểu VB và giúp HS hiểu chính bản thân mình khi đọc tác phẩm. Vì thế, GV có thể dựa vào hệ thống câu hỏi cốt lõi của SGK để tổ chức các HĐ tìm hiểu VB bằng cách thêm bớt các câu hỏi dẫn dắt, gợi mở tùy vào đối tượng cụ thể của tiết học. Sau đây là một số gợi ý cách tổ chức và nội dung dạy học cần chú ý:

– GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một câu hỏi trong SGK (GV có thể chỉ định hoặc cho các nhóm bắt thăm câu hỏi chuẩn bị).

– HS làm việc theo nhóm (có thể nhóm đôi, 2 HS cùng bàn).

– Trình bày ý kiến mỗi nhóm và trao đổi, rút ra kết luận; HS tự ghi chép nội dung các câu hỏi đã trao đổi theo cách hiểu của mình sau khi nghe trao đổi.

b) SGK đã nêu lên hệ thống câu hỏi và các nội dung cần lưu ý. GV lựa chọn, kết hợp bổ sung các câu hỏi khác nếu thấy cần thiết và phù hợp với đối tượng HS. Tuy nhiên, không nên làm cho nội dung tiết học nặng (quá tải). GV cần bám sát các câu hỏi trong SGK cuối VB đọc để tổ chức cho HS tìm hiểu; mỗi bài đọc chính thường có sáu câu hỏi. Cần xem việc liên hệ, mở rộng, kết nối,... là một bước của đọc hiểu trước khi kết luận; không nên để sau khi tổng kết mới thêm mục liên hệ vận dụng.

Hoạt động 4. Tổng kết tiết đọc hiểu

– GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật theo nhận thức của HS.

– GV có thể nêu ý kiến của mình nhằm khái quát và tổng hợp đầy đủ hơn, sâu sắc hơn.

– GV nêu những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản theo thể loại hoặc kiểu văn bản mà HS cần chú ý.

– Hướng dẫn đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo.

III. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

1. Những điều cần lưu ý

– Tiếng Việt trong CT và SGK *Ngữ văn* mới có những thay đổi lớn: không nhằm mục đích cung cấp, trang bị lí thuyết mà chủ yếu là thực hành vận dụng; giúp cho các HD đọc hiểu, viết và nói – nghe có hiệu quả hơn.

– Theo định hướng đó, sách *Ngữ văn* (bộ Cách Điều) không trình bày bài học tiếng Việt thành lí thuyết hàn lâm mà chủ yếu tập trung yêu cầu HS làm bài tập thực hành. Một số kiến thức tiếng Việt cần trang bị và vận dụng được nêu ngay ở phần *Kiến thức ngữ văn*; nhưng chỉ để HS đọc ở nhà và khi làm bài tập trên lớp gặp các câu hỏi liên quan đến các đơn vị kiến thức ấy thì HS và GV xem lại để vận dụng giải bài tập. Cũng từ đó mà nắm được những kiến thức tiếng Việt.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học

Việc tổ chức thực hành rèn luyện tiếng Việt trong mỗi bài học nhìn chung cần linh hoạt. Tuy mỗi GV với những bối cảnh và điều kiện khác nhau nhưng HD chính là tổ chức cho HS làm các bài tập có trong SGK. GV cũng có thể mở rộng thêm hoặc thay thế các ngữ liệu cho phong phú nhưng cần bám sát yêu cầu cần đạt, bám sát các VB đọc hiểu trong bài học và trong sách *Ngữ văn 11* trước khi lấy rộng ra các VB khác. Có thể tổ chức tiến trình tiết học theo các bước sau:

Hoạt động 1. Khởi động, nêu vấn đề của bài học.

Hoạt động 2. Thực hành làm bài tập trong SGK (trọng tâm).

Hoạt động 3. Luyện tập vận dụng, mở rộng (nếu có).

Hoạt động 4. Tổng kết: chốt lại các điểm cần lưu ý về đơn vị tiếng Việt đã học trong bài, liên hệ với phần *Kiến thức ngữ văn* để làm rõ hơn đơn vị tiếng Việt ấy.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY PHẦN THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Thực hành đọc hiểu được tiến hành sau bài đọc hiểu chính, nhằm rèn luyện kĩ năng đọc hiểu đã hình thành bước đầu qua hai VB đọc chính. Do thời gian và tính chất thực hành nên tiết học này không cần đầy đủ các bước và các hoạt động như bài học chính mà tập trung vào hướng dẫn HS đọc hiểu VB. Nghĩa là có thể

bắt đầu tổ chức HĐ 2 hoặc HĐ 3, tùy vào thời lượng dành cho bài học này. Trong các HĐ này HĐ *bắt buộc là HS phải đọc văn bản*; còn lại, không nhất thiết phải tìm hiểu tất cả các câu hỏi nêu trong SGK. GV có thể lựa chọn một số câu quan trọng để hướng dẫn HS tìm hiểu hoặc củng cố lại các kĩ thuật đọc truyện ngắn từ các VB đã học.

Nếu có đủ thời gian thì tiến hành các bước như dạy văn bản chính.

V. DẠY HỌC VIẾT

1. Lưu ý

Dạy viết chủ yếu là rèn luyện kĩ năng viết. Kĩ năng viết cần được hình thành và rèn luyện dần, từ các mẫu trong SGK (các VB đọc hiểu chính là mẫu của yêu cầu viết) đến các yêu cầu sáng tạo khác cả về ý tưởng và cách thể hiện. Nhìn chung về ngữ liệu, HS đã được học ở phần *Đọc hiểu văn bản*. Phần *Viết* được dành 3 tiết, GV tổ chức cho HS tìm hiểu định hướng và nên dành nhiều thời gian để hướng dẫn HS thực hành viết.

2. Gợi ý tổ chức dạy viết

Hoạt động 1. Khởi động, nêu vấn đề của bài học

Hoạt động 2. Tìm hiểu định hướng viết

GV cho HS đọc mục 1. *Định hướng* trong SGK. Sau đó, tổ chức cho HS tìm hiểu các điểm cần chú ý khi viết. Đặc biệt lưu ý mục b): Để viết được kiểu văn bản ấy HS phải làm gì. GV cho HS trao đổi về từng yêu cầu nhỏ trong đó.

Hoạt động 3. Thực hành

GV hướng dẫn HS thực hành theo quy trình bốn bước: *Chuẩn bị, Tìm ý và lập dàn ý, Viết và Kiểm tra, chỉnh sửa như SGK đã nêu lên*.

Trong bốn bước thì bước *Tìm ý, lập dàn ý và Viết* là chính, dành nhiều thời gian hơn. Tìm hiểu cách *tìm ý và lập dàn ý*, cách viết mà SGK đã gợi ý với các phần *mở bài, thân bài và kết bài* để hình dung và biết cách viết bài văn.

Bên cạnh yêu cầu rèn luyện kĩ năng viết theo quy trình bốn bước, sách *Ngữ văn 11* còn nêu lên nội dung rèn luyện kĩ năng viết. Mỗi bài tập trung rèn luyện một kĩ năng.

Bước thực hành viết nên thực hiện linh hoạt, phụ thuộc vào kế hoạch luyện viết của năm bài trong một học kì để xác định nhiệm vụ cho từng bài. Có thể yêu cầu HS tập trung vào hoạt động nào là chính cho mỗi bài học. Ví dụ: có thể yêu cầu viết cả bài, nếu ít thời gian, có thể chỉ yêu cầu viết một phần (một sự việc nào đó của truyện

theo dàn ý đã làm). Sau đó, HS phải thực hành kiểm tra, chỉnh sửa “sản phẩm” vừa tạo ra của mình. GV cũng có thể yêu cầu về nhà hoàn chỉnh bài viết.

Hoạt động 4. Tổng kết

Khái quát các điểm cần lưu ý về cách viết kiểu bài cụ thể đã học.

VI. DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE

1. Lưu ý

Thời lượng nghe nói ít hơn đọc và viết (CT quy định chỉ chiếm 10%). Nghĩa là mỗi bài chỉ khoảng 1,2 tiết. Nội dung nói và nghe lại dựa trên ngữ liệu phân đọc hiểu và viết. Vì thế, GV cho HS tìm hiểu nhanh mục 1. *Định hướng*, sau đó chủ yếu cho HS thực hành nói và nghe.

2. Gợi ý tổ chức dạy nói và nghe

Hoạt động 1. Khởi động

Hoạt động 2. Định hướng (Chuẩn bị nội dung nói nghe)

Phần này nêu hai nội dung: yêu cầu với người nói và yêu cầu với người nghe. Yêu cầu về cả nội dung nói nghe và cả kỹ thuật nghe nói; cả thái độ và tình cảm khi nghe và nói. Nội dung nói và nghe gắn với đọc và viết ở phần đầu nên ở đây phần định hướng về nội dung chỉ yêu cầu HS dựa vào đề cương đã làm ở phần học viết. GV chỉ lưu ý cho HS cách trình bày bằng lời (ngôn ngữ nói) khác với kẻ bằng viết (ngôn ngữ viết) như thế nào.

Hoạt động 3. Thực hành nói – nghe

Sau phần chuẩn bị, GV yêu cầu trình bày miệng nội dung đã chuẩn bị. Các HS khác nghe, nhận xét, bổ sung hoặc nêu câu hỏi chất vấn.

Hoạt động 4. Tổng kết

Nhận xét, đánh giá kết quả nói – nghe.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1987), *Chương trình môn Ngữ văn cấp Trung học phổ thông*.

4. Phạm Văn Đồng (1973), *Dạy văn là một quá trình rèn luyện toàn diện*, *Nghiên cứu Giáo dục*, số 28, 11-1973.
5. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên) (2005), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục.
6. Đỗ Đức Hiểu (2000), *Thi pháp hiện đại*, NXB Hội Nhà văn.
7. La Khắc Hoà (2018), *Phê bình kí hiệu học, đọc văn như là hành trình tái thiết ngôn ngữ*, NXB Phụ nữ.
8. Nguyễn Hiến Lê (1962), *Hương sắc trong vườn văn*, quyển II, NXB Nguyễn Hiến Lê, Sài Gòn.
9. Nguyễn Đăng Mạnh (1996), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Đăng Mạnh Tuyển tập (2006), *Kinh nghiệm viết một bài văn*, tập 2, NXB Giáo dục.
11. Nhiều tác giả (2003), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX (Văn nghị luận đầu thế kỉ, quyển năm, tập I)*, NXB Văn học.
12. Huỳnh Như Phương (2021), *Tác phẩm và thể loại văn học*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Trần Đình Sử (Chủ biên) (2004), *Tự sự học – Một số vấn đề lí luận và lịch sử*, NXB Đại học Sư phạm.
14. Trần Đình Sử (Chủ biên) (2007), *Giáo trình Lí luận văn học, tập II – Tác phẩm và thể loại văn học*, NXB Đại học Sư phạm.
15. Trần Đình Sử (2018), *Môn Ngữ văn và dạy học Ngữ văn trong trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm.
16. Trần Đình Sử (Chủ biên) (2021), *Lược sử văn học Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm.
17. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) (2008), *Làm văn*, NXB Đại học Sư phạm.
18. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) (2021), *Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn Trung học phổ thông theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, NXB Đại học Sư phạm.
19. Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên) – Bùi Minh Đức (Chủ biên) (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn Trung học phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm.
20. Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên), Đỗ Thị Thu Hương (Chủ biên) (2022), *Văn bản – Đọc hiểu và tạo lập* (Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Sư phạm), NXB Giáo dục Việt Nam.

21. Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên), Bùi Minh Đức (Chủ biên), Phạm Thị Thu Hiền (2022), *Phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản* (Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Sư phạm), NXB Giáo dục Việt Nam.
22. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1996), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục.
23. Phùng Văn Tửu (2009), *Người kể chuyện xưng “tôi” trong văn chương hiện đại*, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, tháng 11.

B. Tiếng Anh

24. ACARA (2013), *The Australian Curriculum*.
25. California State Board of Education (2013), *Common Core State Standards for English Language Arts, Literacy in History / Social Studies, Science, and Technical Subjects for California Public Schools Kindergarten Through Grade Twelve* (lấy từ <http://www.cde.ca.gov>).
26. Mc Dougal Littell, *Literature*, Grade 6 – Grade 12, Copyright © 2008 by McDougal Littell, a division of Houghton Mifflin Company, Printed in the United States of America.
27. George Hillocks, Jr (2011), *Teaching Argument Writing*, Heiemann Portsmouth.
28. George Hillocks, Jr (2011), *Teaching Argument Writing, Grade 6-12: supporting Claims with Relevant Evidence and Clear Reasoning*, Heiemann Portsmouth.
29. Michael R. Graves, *Teaching Reading in the 21st century: Motivating All Learners* (fifth edition), Pearson.
30. Nell K. Duke and P. David Pearson (2002), Chapter 10 – *Effective Practices for Developing Reading Comprehension, What Research Has to Say About Reading Instruction*, Third Edition – © 2002, International Reading Association.
31. OECD, *PISA 2018 Assessment and Analytical Framework Mathematics, Reading, Science, Problem solving and Financial literacy*- <https://www.oecd.org/education/pisa-2018-assessment-and-analytical-framework-b25efab8-en.htm>.

Phần thứ ba

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

BÀI MỞ ĐẦU

Cũng như sách *Ngữ văn 10*, sách *Ngữ văn 11* (bộ Cánh Diều) có *Bài Mở đầu*. Bài học nhằm giúp HS nắm được những thông tin khái quát về nội dung và hình thức của sách; biết cách sử dụng sách. Tuy nhiên, GV có thể dạy trên lớp hoặc hướng dẫn HS đọc ở nhà, miễn là các em nắm được các nội dung và yêu cầu chính của bài học. Các nội dung và yêu cầu của *Bài Mở đầu* trong sách *Ngữ văn 11* được trình bày giống như sách *Ngữ văn 10*. Nội dung chính chỉ nêu tên các VB theo thể loại, không nêu tóm tắt nội dung chính của mỗi VB. Thay vào đó, sau mỗi thể loại của phần đọc hiểu VB, sách nêu yêu cầu cần đạt mà HS cần chú ý.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Phần này HS đọc ở nhà; tuy nhiên, đây là đích cần đạt của bài học nên GV cần hiểu rõ để hiện thực hoá các nội dung của mục tiêu vào các hoạt động dạy học.

Bài Mở đầu chủ yếu giúp HS làm quen và nắm được các thông tin khái quát về sách *Ngữ văn 11* với các nội dung sau:

1. Các nội dung chính của sách *Ngữ văn 11*.
2. Cấu trúc của sách và cấu trúc các bài học trong sách *Ngữ văn 11*.
3. Cách sử dụng sách *Ngữ văn 11* (nêu ở phần cuối giới thiệu cấu trúc của mỗi bài học và nhiệm vụ của HS).

Thực chất là nhằm trả lời các câu hỏi:

- Sách *Ngữ văn 11* học những gì (Đọc, viết, nói và nghe những gì?, Rèn luyện tiếng Việt ra sao?)?
- Sách *Ngữ văn 11* có cấu trúc như thế nào (Có bao nhiêu bài học?, Mỗi bài học có những phần nào?,...)?

– Sử dụng sách *Ngữ văn 11* như thế nào (Phần nào học ở nhà, nội dung nào học trên lớp?)?

Việc tìm hiểu các nội dung bài học này không cần nặng nề, không cần yêu cầu HS phải giải quyết và làm hết tất cả các bài tập; nội dung trả lời cũng không nhất thiết đầy đủ, chính xác và trọn vẹn tất cả,... mà cần tổ chức tìm hiểu bài học sao cho nhẹ nhàng, vui vẻ, gây được ấn tượng về môn học; tạo hứng thú cho HS.

II. KIẾN THỨC NGŨ VĂN

Bài Mở đầu chưa cần đề cập đến kiến thức ngữ văn, GV chưa cần yêu cầu HS lưu ý gì về các kiến thức tiếng Việt hay văn học, chỉ tập trung vào các mục: nội dung chính của bài học; cấu trúc của sách và cấu trúc các bài học; cách sử dụng sách *Ngữ văn 11* đã nêu.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY BÀI MỞ ĐẦU (trọng tâm)

1. Lưu ý

– Toàn bộ bài học nêu lên 7 bài tập ở cuối. HS làm các bài tập ấy sẽ nắm được yêu cầu và đạt được mục tiêu của bài học. Chính vì thế, GV cần nhắc nhở HS đọc và tìm hiểu bài tập ở nhà trước. Trong trường hợp HS chưa đọc và chưa chuẩn bị làm các bài tập này thì GV tổ chức cho HS thực hiện ngay trên lớp. *Bài Mở đầu* được thực hiện trong 2 tiết, nhưng không nhất thiết phải dạy cả 2 tiết (có thể chỉ 1 tiết). Việc phân chia thời gian và nội dung dạy học cần vận dụng linh hoạt, với 2 tiết thì có thể phân bổ như sau:

Tiết	Nội dung
1	– Tìm hiểu chung về hình thức, bố cục và các nội dung lớn của cuốn sách. – Tìm hiểu nội dung các mục đọc hiểu văn bản văn học: truyện, thơ, kí, kịch bản văn học, đọc hiểu thơ văn Nguyễn Du.
2	– Đọc hiểu VB nghị luận, VB thông tin, thực hành tiếng Việt; học viết, nói – nghe. – Tìm hiểu cấu trúc mỗi bài học.

– Dù ở trên đã nêu hướng phân bổ thời lượng nhưng GV tùy vào bối cảnh và điều kiện cụ thể để thực hiện một cách linh hoạt. Ví dụ, nếu đối tượng HS khá, giỏi, việc tìm hiểu các nội dung bài học có thể nhanh hơn (chỉ cần 1 tiết; thậm chí, GV có thể yêu cầu HS đọc ở nhà bài học này nhưng cần để thời gian 1 tiết để kiểm tra

việc đọc ở nhà của HS). Số thời gian thừa ra của *Bài Mở đầu*, GV có thể chuyển sang Bài 1 hoặc dành cho các bài có nhiều nội dung hơn, nhất là việc thực hành đọc hiểu và luyện viết.

– Về phương pháp: GV tiến hành dạy *Bài Mở đầu* hoàn toàn như dạy đọc hiểu một VB thông tin, nhằm giúp HS nắm được các nội dung và cấu trúc của cuốn sách *Ngữ văn 11* trước khi đi vào học các bài cụ thể.

– Về phương tiện dạy học: tối thiểu là HS phải có SGK *Ngữ văn 11* (bộ Cánh Diều). Ngoài ra, nếu có thêm các thiết bị máy vi tính, máy chiếu càng tốt.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Tiết 1: Tìm hiểu chung về hình thức, bố cục của sách *Ngữ văn 11* và các nội dung đọc hiểu VB văn học.

Với tiết mở đầu, GV giúp HS có cái nhìn bao quát chung về cuốn sách và bài học này; nên cần tập trung vào các nội dung sau:

Nội dung 1. Giới thiệu chung về sách *Ngữ văn 11*

Giúp HS hiểu vì sao cần tìm hiểu, làm quen với sách *Ngữ văn 11*, tức là trả lời câu hỏi: Sách *Ngữ văn 11* có hình thức và bố cục như thế nào? Tại sao HS phải làm quen với sách này? Làm quen sẽ có tác dụng gì cho việc học tập?

Trước hết, GV yêu cầu HS quan sát toàn bộ cuốn sách từ bìa đến *Lời nói đầu*, lướt nhanh các bài học bên trong và xem phần cuối sách, nhất là *Mục lục*. Tìm hiểu ý nghĩa của hình ảnh vẽ ngoài bìa: Bìa sách *Ngữ văn 11*, tập một đưa bức tranh nổi tiếng của họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm có tên: *Thủy Kiều và Kim Trọng*. Đây chính là hình ảnh minh họa cho hai nhân vật trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du – một trong các tác phẩm chính học ở Bài 2. *Thơ văn Nguyễn Du*. Bìa tập hai là bức tranh *Thuyền trên sông Hương* của họa sĩ Tô Ngọc Vân, đề tài ít nhiều liên quan đến nội dung bài *Ai đã đặt tên cho dòng sông* của Hoàng Phủ Ngọc Tường – một văn bản học trong tập hai của sách. Cùng với bức tranh *Thiếu nữ bên hoa sen* của Nguyễn Sáng trong bìa cuốn *Chuyên đề học tập Ngữ văn 11*, sách *Ngữ văn 11* tiếp tục chủ trương cung cấp cho HS những bức tranh nổi tiếng của các danh họa nhằm góp phần nâng cao năng lực thưởng thức nghệ thuật nói chung. GV có thể yêu cầu HS liên hệ với bìa của cuốn *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10* và hai tập sách *Ngữ văn 10* (bộ Cánh Diều) để thấy rõ hơn ý tưởng này.

Nội dung 2. Yêu cầu HS quan sát nhanh *Bài Mở đầu* và xác định bài học có những đề mục lớn, nhỏ nào. Từ bố cục ấy, yêu cầu HS nhận xét bài học này sẽ cung cấp cho người học những nội dung lớn nào? HS có thể trả lời đầy đủ hoặc không, nhưng sau tiết học cần nhận biết được bài học này có một số nội dung lớn sau:

A. Nội dung sách *Ngữ văn 11*

I. Học đọc

1. Đọc hiểu VB văn học
 - Đọc hiểu VB truyện.
 - Đọc hiểu VB thơ.
 - Đọc hiểu VB kí.
 - Đọc hiểu kịch bản văn học (bi kịch).

2. Đọc hiểu VB nghị luận

3. Đọc hiểu VB thông tin

4. Thực hành tiếng Việt

II. Học viết

III. Học nói và nghe

B. Cấu trúc của sách *Ngữ văn 11*

Giới thiệu cấu trúc mỗi bài học trong sách *Ngữ văn 11*.

Như thế, GV cần hình dung và chia nội dung các tiết cho phù hợp. Xem xét, nghiên cứu kĩ các bài tập nêu trong *Bài Mở đầu*, sau đó, phân bổ nội dung cho các tiết học. Định hướng chung cho bài học này là giúp HS làm quen với sách *Ngữ văn 11*, chưa cần đi sâu và tìm hiểu kĩ về nội dung các bài học.

Nội dung 3. Tìm hiểu các nội dung *Đọc hiểu văn bản văn học*

a) Lưu ý chung: GV có thể tổ chức các tiết học theo hướng sau:

Bước 1: Cho HS đọc, tìm hiểu từng phần và dừng lại trước mục bài tập.

Bước 2: Tổ chức cho HS làm bài tập theo hướng: nếu mục nào bài tập nêu nhiều câu, nhiều yêu cầu thì chia nhóm để có nhiều thời gian, nhằm giải quyết hết các câu hỏi trong bài tập ấy.

Bước 3: Cho HS trao đổi và chốt lại các nội dung thông tin trong phần, mục ấy.

Các tiết tiếp theo làm tương tự cách làm ở tiết này. Tuy nhiên, GV cần lưu ý cho HS đọc *Bài Mở đầu* và làm bài tập trước ở nhà để trên lớp có nhiều thời gian trao đổi hơn.

b) Với tiết hướng dẫn đọc hiểu VB văn học: GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu từ mục *Học đọc*, bắt đầu từ *Đọc hiểu VB truyện* đến hết mục 5. *Đọc hiểu thơ văn Nguyễn Du*. Trong phần này, GV cho HS tìm hiểu sách *Ngữ văn 11* học những thể loại nào? Những thể loại lặp lại các lớp dưới, nhưng khác về tiêu loại ra sao. Trọng tâm tập trung vào nội dung chính của các VB được học trong sách *Ngữ văn 11*. Riêng kịch bản văn học cần giới thiệu thêm cho HS nhận biết được đặc điểm của bi

kịch và hình thức trình bày của VB kịch giống và khác gì kịch bản tuồng chèo đã học ở *Ngữ văn 10*; giúp các em hiểu đây chỉ là đọc VB, không phải xem kịch trên sân khấu.

– Nội dung chính của phần này tập trung vào câu hỏi 1 nêu ở cuối bài: “Sách *Ngữ văn 11* hướng dẫn đọc hiểu văn bản văn học thuộc những thể loại nào? Thể loại truyện nào mới so với sách *Ngữ văn 10*? Cần chú ý điều gì khi đọc hiểu các văn bản văn học?”.

Như thế ở câu hỏi này có hai nội dung lớn cần làm rõ: a) Lớp 11 học những thể loại nào, thể loại nào mới so với sách *Ngữ văn 10*? b) Các lưu ý về cách đọc mỗi thể loại văn bản là gì?

Để làm rõ nội dung thứ nhất (a), GV yêu cầu HS thống kê các thể loại nhỏ học trong sách *Ngữ văn 11* từ *Mục lục* hoặc ngay trong phần đọc hiểu văn bản (5 mục đầu). Từ đó, có thể nêu vấn đề các thể loại lớn truyện, thơ đều đã học ở lớp 10, nhưng lên lớp 11 các tiểu loại nhỏ trong loại lớn ấy là khác biệt. Đặc biệt, ở sách *Ngữ văn 11* có thêm loại kí và kịch bản văn học (bi kịch). GV có thể yêu cầu HS liên hệ với các thể loại này đã học ở lớp 10 để nhận biết sự khác biệt của các thể loại nhỏ trong mỗi thể loại lớn được học ở hai lớp khác nhau. Cụ thể có thể nêu lên bảng so sánh sau:

<i>Ngữ văn 10</i>	<i>Ngữ văn 11</i>
Truyện: – Truyện thần thoại – Sử thi – Truyện ngắn – Tiểu thuyết	Truyện: – Truyện thơ dân gian – Truyện thơ Nôm – Truyện ngắn – Tiểu thuyết
Thơ: – Thơ Đường luật – Thơ tự do	Thơ: – Thơ có yếu tố tượng trưng – Thơ (nói chung)
Kịch bản văn học: – Tuồng – Chèo	Kịch bản văn học: Bi kịch
Kí: Không học	Kí: Tuỳ bút, tản văn, truyện kí...
Tác giả: – Thơ văn Nguyễn Trãi: Văn nghị luận và thơ Nôm	Tác giả: – Thơ văn Nguyễn Du: Truyện thơ Nôm (<i>Truyện Kiều</i>) và thơ chữ Hán

GV có thể cho HS điền các VB – tác phẩm cụ thể của mỗi thể loại nhỏ đã học ở lớp 10 vào bảng. Ví dụ: Truyện thần thoại lớp 10 là tác phẩm nào? Thơ, kịch bản văn học, kí,... ở mỗi lớp đã học những VB – tác phẩm cụ thể nào? Như thế, có thể kết hợp để ôn lại những gì đã học ở lớp 10.

Trương tự, hướng dẫn HS từ nội dung các mục đọc VB ở *Bài Mở đầu* nêu tên một số VB tiêu biểu cho các thể loại ở cột *Ngữ văn 11* như đã làm với cột *Ngữ văn 10*.

Từ đó, HS nắm được các thể loại đã học cũng như thể loại mới ở sách *Ngữ văn 11*.

Nội dung chính thứ hai (b): Các lưu ý về cách đọc mỗi thể loại VB là gì? Đây chính là một trong hai mục đích quan trọng của việc dạy đọc hiểu: hiểu nội dung VB và biết cách thức đọc VB theo thể loại. Các lưu ý của SGK về cách đọc sau mỗi thể loại chính là nhằm mục đích thứ hai.

Về cách tổ chức tiết học này, nếu HS chưa làm ở nhà, GV có thể chia ra thành ba nhóm. Mỗi nhóm tìm hiểu một thể loại mà câu hỏi đã nêu:

Nhóm 1: Sách *Ngữ văn 11* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại truyện nào? So với sách *Ngữ văn 10*, những tiểu loại nào mới?

Nhóm 2: Sách *Ngữ văn 11* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại thơ nào? So với sách *Ngữ văn 10*, những tiểu loại nào mới?

Nhóm 3: Sách *Ngữ văn 11* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại kịch bản văn học nào? Sách *Ngữ văn 10* đã học loại văn bản này chưa?

Nhiệm vụ của mỗi nhóm: chỉ ra các thể loại và tiểu loại trong mỗi thể loại; ví dụ cũng là truyện, nhưng so lớp 10, lớp 11 học các thể loại cụ thể khác.

Sau khi trao đổi xong câu a) thì chuyển sang cho HS tìm hiểu câu b) “Sách nêu lên các lưu ý những gì về cách đọc mỗi thể loại văn bản?”.

Tiếp theo, GV cho HS tìm hiểu bài tập 2: Ở bài *Thơ văn Nguyễn Du*, các em được học những thể loại và tác phẩm cụ thể nào? Nêu các điểm lưu ý khi học tác giả Nguyễn Du. HS dựa vào mục 5 sẽ rút được các nội dung lớn của bài này, gồm:

– Những hiểu biết về cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Du.

– Các tác phẩm nổi bật của Nguyễn Du được học trong sách *Ngữ văn 11* gồm: *Truyện Kiều* (với các đoạn trích *Trao duyên*, *Anh hùng tiếng đã gọi rằng*, *Thề nguyện*) và bài thơ chữ Hán *Độc Tiểu Thanh kị*.

– Những lưu ý khi đọc thơ văn Nguyễn Du.

Tiết 2. Tìm hiểu phần còn lại của bài học

Nội dung 1. Đọc hiểu VB nghị luận, VB thông tin và thực hành tiếng Việt

Hướng dẫn dạy văn bản nghị luận và văn bản thông tin

Các bước lên lớp như đã nêu ở trên. GV cho HS đọc và tìm hiểu các câu hỏi. Khi đọc, lưu ý cho HS VB nghị luận và VB thông tin đã được học ở các lớp dưới, vì thế ở đây chỉ tập trung tìm hiểu nội dung chính của các VB nghị luận và VB thông tin trong sách *Ngữ văn 11* là những gì? Và các điểm lưu ý về cách đọc mỗi loại VB ấy.

Phần câu hỏi của hai mục này có chung các yêu cầu: Các VB trong phần đọc hiểu VB nghị luận hoặc thông tin là những VB nào? Cần lưu ý những gì khi đọc hiểu hai kiểu VB đó?

Cách tiến hành tổ chức cho HS thực hiện bài tập này cũng giống như ở tiết học đọc VB văn học đã nêu ở trên. GV có thể yêu cầu HS tóm tắt các mục trong mỗi loại VB bằng một sơ đồ. Cũng có thể lập bảng so sánh các kiểu VB của hai loại này như tiết dạy đọc hiểu VB nghị luận.

Ngữ văn 10	Ngữ văn 11
Văn bản nghị luận: - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học: Trong đó, VB nào gần với tác phẩm đã học trong phần <i>Đọc hiểu</i>?	Văn bản nghị luận: - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học: Trong đó, VB nào gần với các VB đã học trong phần <i>Đọc hiểu</i>?
Văn bản thông tin: - Đề tài - Cách trình bày, triển khai ý tưởng thông tin - Ý nghĩa	Văn bản thông tin: - Đề tài - Cách trình bày, triển khai ý tưởng – thông tin - Ý nghĩa

Hướng dẫn dạy phần *Thực hành tiếng Việt*

Phần *Thực hành tiếng Việt* cần làm rõ câu hỏi: Khi học phần *Thực hành tiếng Việt*, cần lưu ý những gì? SGK đã nêu khá rõ các nội dung này, gồm:

- Kiến thức lí thuyết về tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 11* là những gì?
- Hệ thống bài tập tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 11* có những loại cơ bản nào?

GV cho HS đọc và tìm hiểu câu hỏi. Trong mỗi nội dung, GV có thể chọn một vài đơn vị tiếng Việt để yêu cầu HS liên hệ với những gì đã học ở sách *Ngữ văn 10* để minh họa và nêu lên những gì HS đã biết về đơn vị ấy.

Câu hỏi của phần này không khó, GV hướng dẫn để HS biết tìm thông tin trong bài học để trả lời:

Nội dung câu hỏi a) đã được nêu rõ trong gạch đầu dòng thứ nhất. Nội dung câu b) đã nêu rõ ở gạch đầu dòng thứ hai với ba dấu cộng về ba loại bài tập.

Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.

Bài tập phân tích, lí giải tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.

Bài tập vận dụng các đơn vị tiếng Việt ấy trong văn cảnh cụ thể.

GV nhắc nhở HS:

– Khi làm bài tập trong phần *Thực hành tiếng Việt*, cần dựa vào những lưu ý về đơn vị kiến thức tiếng Việt ấy trong phần *Kiến thức ngữ văn* nêu ở đầu mỗi bài học để có hướng làm bài và hệ thống lại những hiểu biết của mình sau khi làm bài tập.

– Thực hành vận dụng kiến thức tiếng Việt trong các tiết đọc hiểu, viết, nói và nghe cũng như trong tiết học các môn học khác, trong sinh hoạt và giao tiếp với nhiều hình thức khác nhau.

Nội dung 2. Dạy viết, nói – nghe và tìm hiểu cấu trúc sách

a) Dạy phần *Học viết*

Cách dạy mục này cũng giống như các mục trên. GV cho HS đọc, tìm hiểu nội dung từng mục, sau đó trả lời câu hỏi nêu cuối phần *Học viết*: “Nêu những nội dung rèn luyện kĩ năng viết trong sách *Ngữ văn 11*; nhận biết yêu cầu khi viết các kiểu văn bản nghị luận và thuyết minh”.

Hai yêu cầu nêu trong bài tập này đều không khó, chỉ cần HS tìm, quan sát trong mỗi mục là có thể trả lời được. Ví dụ với yêu cầu: Nêu những nội dung rèn luyện kĩ năng viết trong sách *Ngữ văn 11*, HS chỉ cần chú ý bảng *Kĩ năng viết cần rèn luyện* trong SGK là dẫn ra được. Yêu cầu thứ hai: Nhận biết yêu cầu khi viết các kiểu văn bản nghị luận và thuyết minh, SGK cũng đã nêu rất rõ bảng ở mục 2. *Các kiểu văn bản và yêu cầu viết*. Trong đó, có yêu cầu viết bài văn nghị luận và bài thuyết minh.

Ở bảng này có hai cột: các kiểu văn bản nêu ở cột trái. Yêu cầu cụ thể của mỗi kiểu VB đã nêu ở cột phải của bảng. GV lưu ý cho HS đọc mục yêu cầu (cột bên phải) với mỗi kiểu VB tương ứng (ở cột bên trái).

Tuy SGK *Ngữ văn 11* không nêu lên mối quan hệ giữa các kiểu VB luyện viết và các loại VB trong đọc hiểu, nhưng GV cần cho HS tìm hiểu về mối quan hệ hai kiểu VB tương ứng với các VB đọc hiểu để thấy tính tích hợp, bổ sung làm sáng tỏ cho nhau. HS cần vận dụng những hiểu biết này vào đọc hiểu cũng như khi viết bài.